

Tiểu Học John J. Montgomery

Sở Giáo Dục California

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học

Báo Cáo Dựa Trên Dữ Liệu từ Năm Học 2015–16

Theo luật tiểu bang, trễ nhất vào ngày 1 tháng Hai hàng năm mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (School Accountability Report Card - SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công Thức Tài Trợ Kiểm Soát Địa Phương (Local Control Funding Formula - LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (Local Educational Agencies - LEA) phải chuẩn bị một Kế Hoạch Kiểm Soát và Trách Nhiệm Giải Trình tại Địa Phương (Local Control and Accountability Plan - LCAP) mô tả phương thức các trường dự định sẽ đạt được các mục tiêu hàng năm cụ thể của trường cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu SARC, xem Trang Mạng về SARC thuộc Sở Giáo Dục California (California Department of Education - CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh.

DataQuest

DataQuest là một công cụ trực tuyến trên trang Mạng DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> chứa đựng thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với khu học chánh và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng trạm máy (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên trạm máy, và khả năng in tài liệu.

Giới Thiệu Về Trường Đây

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)	
Tên Trường	Tiểu Học John J. Montgomery
Đường Phố	2010 Daniel Maloney Drive
Thành Phố, Tiểu Bang, Mã Bưu điện	San Jose CA, 95121
Số Điện Thoại	(408) 270-6718
Hiệu Trưởng	Guillermo Ramos
Địa Chỉ Email	gramos@eesd.org
Trang Mạng	http://www.eesd.org/page.cfm?p=2827

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)	
Mã Số Quận-Khu Học Chánh-Trường học (County-District-School - CDS)	43-69435-6095988

Thông Tin Liên Lạc của Khu Học Chánh (Năm Học 2016–17)	
Tên Khu Học Chánh	Học Khu Tiểu Học Evergreen
Số Điện Thoại	(408) 270-6800
Giám Đốc Khu Học Chánh	Katherine Gomez
Địa Chỉ Email	kgomez@eesd.org
Trang Mạng	www.eesd.org

Mô Tả Trường học và Bản Tuyên Bố Sứ Mệnh (Năm Học 2016–17)

John J. Montgomery tiếp tục tiến về phía trước, tổ chức thực hiện các chương trình, hoạt động và chiến lược đào tạo cân bằng theo chương trình giáo dục thế kỷ 21. Mục tiêu cuối cùng là chuẩn bị cho các em vào cao đẳng, đại học và trường nghề sau trung học phổ thông. Các giáo viên Montgomery hợp tác chặt chẽ theo cấp lớp, tham gia hàng tuần vào các Cộng đồng Học tập Chuyên môn (Professional Learning Communities), liên tục được hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy để giúp các em học tập. Mục tiêu của chúng tôi là tất cả học sinh được học trong môi trường hỗ trợ các em đạt thành tích cao trong học tập, phát triển kỹ năng xã hội, khỏe mạnh cả về thể chất và tinh thần, đồng thời tạo điều kiện cho các em giao tiếp, cộng tác, phát triển khả năng sáng tạo và tư duy phản biện.

Trường và gia đình giữ kết nối chặt chẽ với nhau. Ngoài các phương tiện truyền thống, trường còn sử dụng các công cụ công nghệ hiện đại để duy trì liên lạc. Hãy nói cho chúng tôi biết nếu bạn muốn tham gia thành viên Cộng đồng Trường Montgomery.

Sứ mệnh của nhà trường:

Chúng tôi, đội ngũ nhân viên John J. Montgomery School cam kết thúc đẩy và duy trì môi trường giáo dục nơi các em có thể đạt thành tích xuất sắc trong học tập, phát triển sức khỏe thể chất và tinh thần, kỹ năng xã hội cho từng cá nhân được đáp ứng, trong khi vẫn tạo cơ hội để các em giao tiếp, cộng tác, phát triển khả năng sáng tạo và tư duy phản biện. Chúng tôi xem trọng sự thành công của từng em và hiểu được tầm quan trọng trong việc giúp các em đi đúng hướng, đáp ứng các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang (Common Core State Standards – CCSS).

Tầm nhìn của nhà trường:

John J. Montgomery Elementary School dựa vào cam kết của toàn bộ cộng đồng trường để phát triển và xây dựng một tầm nhìn chung hướng tới xây dựng chương trình Học sinh thế kỷ 21 (21st Century Learner). Chúng tôi hợp tác để tạo ra mối quan hệ đối tác, trong đó mỗi bên đều thấy mình có trách nhiệm phát huy tối đa tiềm năng của các em. Tầm nhìn của chúng tôi luôn được hiện thực hóa nhờ sự kết nối giữa đội ngũ nhân viên và phụ huynh thông qua việc tham gia vào chương trình Định hướng Mẫu giáo (Kindergarten Orientation), Hội phụ huynh và Giáo viên (PTA), các sự kiện học tập gia đình; Trại Tác giả trẻ; Hội chợ Khoa học; Hội thảo Mẫu giáo ngày Thứ bảy, hỗ trợ theo chương trình can thiệp và nâng cao trình độ và phát triển Kế hoạch Title 1 trên phạm vi toàn trường. SSC, ELAC, DSLT, họp phụ huynh, trao đổi bằng văn bản được tiến hành theo ba ngôn ngữ chính hay được sử dụng tại trường - tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Việt để đảm bảo sự hợp tác liên tục giữa nhà trường và gia đình.

Sau quá trình phân tích kỹ lưỡng dữ liệu học tập của học sinh, kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu toàn trường, quan sát lớp học, xem xét các tiêu chuẩn CCSS, đội ngũ giáo viên Trường Tiểu Học John J. Montgomery đã lên kế hoạch 03 năm lấy học sinh làm trung tâm, ủng hộ và thúc đẩy chương trình học tập xuất sắc, xây dựng quan hệ đối tác với phụ huynh học sinh, đồng thời lên chương trình nâng cao các kỹ năng cần thiết cho các em để chuẩn bị sẵn sàng cho việc Định hướng nghề nghiệp và học vấn ở Thế kỷ 21:

Mục tiêu số 1: Tất cả học sinh đều được tiếp cận bình đẳng, được hướng dẫn với kỳ vọng cao để lên lớp thành công và thu hẹp khoảng cách thành tích (Chương trình Leveled Literacy Model, ELD, Opportunities for Innovation and Creativity).

Mục tiêu số 2: Tất cả học sinh chứng minh được năng lực phẩm chất tích cực, được rèn luyện các kỹ năng xã hội, tôn trọng bản thân, tôn trọng sự đa dạng văn hóa và các bạn học (Chương trình Project Cornerstone ABC Program, Student Leadership và PE), được tạo cơ hội luyện tập nâng cao trình độ (Music Classes, Arts, Leveled Literacy Model, Opportunities for Innovation and Creativity).

Mục tiêu số 3: Tất cả học sinh sẽ kiên trì bền bỉ, trở thành những người tự học và có trình độ ngôn ngữ cao (Chương trình Accountable Talk, Close Reading, Self and Peer Assessment, Student Goal Setting, Project Cornerstone ABC Program và Student Leadership)

Mục tiêu số 4: Đội ngũ giáo viên tham gia Cộng đồng học tập chuyên môn (Professional Learning Communities) và/hoặc các hoạt động hợp tác theo cấp lớp hàng tuần (PLC).

Mục tiêu số 5: Đội ngũ giáo viên hướng dẫn rõ ràng cho học sinh và theo tiêu chuẩn phù hợp (Teacher Clarity, Formal and Informal Assessments, Unpacking of Standards, Success Criteria, Student/Teacher Feedback).

Học Sinh Ghi Danh theo Cấp Lớp (Năm Học 2015–16)

Cấp Lớp	Số Học Sinh
Mẫu Giáo	68
Lớp 1	69
Lớp 2	59
Lớp 3	82
Lớp 4	91
Lớp 5	96
Lớp 6	93
Tổng Ghi Danh	558

Học Sinh Ghi Danh theo Nhóm Học Sinh (Năm Học 2015–16)

Nhóm Học Sinh	Phần Trăm trong Tổng Ghi Danh
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi	1.8
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.4
Người Gốc Á Châu	30.6
Người Phi Luật Tân	13.6
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	47.7
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.7
Người Da Trắng	2.7
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc	1.8
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	62.4
Người Học Tiếng Anh	41
Học Sinh Khuyết Tật	4.7
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc bởi Giám Hộ	0.2

A. Điều Kiện Học Tập

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt

Bảng Cấp Chứng Nhận của Giáo Viên

Giáo Viên	Trường			Khu Học Chánh
	2014-15	2015-16	2016-17	2016-17
Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	25	26	24	486
Không Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	0	0	0	0
Giảng Dạy Ngoài Lĩnh Vực Môn Học Chuyên Ngành (có đầy đủ bằng cấp chứng nhận)	0	0	0	0

Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Chỉ Báo	2014-15	2015-16	2016-17
Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh	0	0	0
Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép	0	0	0
Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	0	0	0

Ghi chú: "Phân công trái phép" nói đến số vị trí được điền khuyết bởi giáo viên thiếu thẩm quyền hợp pháp để dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

* Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh.

Các Lớp Học Cốt Lõi do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy (Năm Học 2015–16)

Địa Điểm Các Lớp Học	Phần Trăm Lớp Học Về Các Môn Học Cốt Lõi	
	Do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy	Không Do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy
Trường Đây	100.0	0.0
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	99.9	0.1
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh	100.0	0.0
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh	99.8	0.2

Ghi chú: Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao được định nghĩa là các trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 40 phần trăm hoặc cao hơn. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là các trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 39 phần trăm hoặc thấp hơn.

Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Năm Học 2016–17)

Year and month in which data were collected: 9 tháng 10 năm 2014

Ngày 9 tháng 10 năm 2014, Học Khu Evergreen đã tổ chức một buổi Điều Trần Công Khai và quyết định mỗi trường trong học khu sẽ có sách giáo khoa phù hợp và có chất lượng tốt cũng như tài liệu hướng dẫn theo đúng thỏa thuận của Williams với Tiểu Bang California.

Tất cả học sinh, bao gồm cả những Người Học Tiếng Anh sẽ được cung cấp riêng sách giáo khoa hoặc tài liệu hướng dẫn theo đúng tiêu chuẩn hoặc cả hai đối với các môn học chính để sử dụng trên lớp và mang về nhà. Toàn bộ sách giáo khoa và tài liệu hướng dẫn được sử dụng trong học khu phải tuân thủ Khung và Tiêu Chuẩn về Nội Dung của Tiểu Bang California với sự phê duyệt cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị. Sách giáo khoa và các tài liệu bổ sung sẽ được sử dụng theo chu kỳ của Bộ Giáo Dục California, do vậy sách giáo khoa được sử dụng trong trường là sách mới nhất hiện có. Bảng thể hiện thông tin được thu thập vào tháng 9 năm 2014 về chất lượng, tính hiện thời và sẵn có của sách giáo khoa theo tiêu chuẩn và các tài liệu hướng dẫn khác được sử dụng trong nhà trường. Học khu không sử dụng sách giáo khoa chính thức dành cho môn Sức Khỏe hoặc Nghệ Thuật Tạo Hình và Biểu Diễn.

Môn Học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/năm Phê Chuẩn	Từ Đợt Phê Chuẩn Gần Nhất?	Phần Trăm Học Sinh Không Có Sách Được Chỉ Định Riêng
Độc/Văn Chương	Được sử dụng trong năm 2009 (Lớp K-6): MacMillan/McGraw Hill	Có	0.0%
Toán	Được sử dụng trong năm 2008 (Lớp K): Harcourt Được sử dụng trong năm 2008 (Lớp 1-5): Houghton Mifflin Được sử dụng trong năm 2008 (Lớp 6): Glencoe (MacMillan/McGraw Hill)	Có	0.0%
Khoa Học	Được sử dụng trong năm 2007 (Lớp K): Pearson Scott Forseman Được sử dụng trong năm 2007 (Lớp 1-5): MacMillan/McGraw Hill Được sử dụng trong năm 2007 (Lớp 6-8): Holt, Rhinehart, Winston	Có	0.0%
Lịch Sử–Khoa Học Xã Hội	Được sử dụng trong năm 2006: (Mẫu Giáo): Pearson Scott Forseman Được sử dụng trong năm 2006: (Lớp 1-6): Houghton Mifflin	Có	0.0%

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Trường Tiểu Học Montgomery, được xây dựng chính thức vào năm 1975, hiện có 29 phòng học cố định, một phòng lưu động cho Lớp mẫu giáo ban ngày đặc biệt (Special Day Class pre-school portable), một phòng lưu động dành cho việc Phát Triển Anh Ngữ (ELD) người lớn, một phòng máy tính, một thư viện, một quán ăn tự phục vụ/phòng đa năng, một phòng nhân viên và hai sân chơi. Trong vài năm qua, một tòa nhà hai tầng mới dành cho các phòng học đã được xây dựng, khu lễ tân đã được nâng cấp hoàn toàn và tường dạy đã được thêm vào tòa nhà chính. Ngoài ra, học khu đã thông qua sáng kiến trái phiếu cơ sở vào năm 2006 cho phép hiện đại hóa trong tương lai. Biểu đồ thể hiện kết quả kiểm tra mới nhất các cơ sở.

Quy Trình Vệ Sinh:

Trường Tiểu Học Montgomery cung cấp môi trường an toàn và sạch sẽ cho học sinh, nhân viên và tình nguyện viên. Học khu đã áp dụng các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học trong học khu. Các hoạt động vệ sinh được thực hiện hàng ngày trong suốt năm học, tập trung vào các phòng học và nhà vệ sinh. Học sinh và nhân viên cùng cố gắng giữ cho khuôn viên nhà trường luôn sạch sẽ và không có rác. Hàng ngày hiệu trưởng làm việc với nhân viên giám hộ của nhà trường để xây dựng các lịch vệ sinh nhằm đảm bảo một môi trường học tập sạch sẽ, an toàn và thiết thực.

Bảo Dưỡng & Sửa Chữa:

Nhân viên giám hộ của Trường Tiểu Học Montgomery thường xuyên thực hiện chương trình bảo dưỡng theo lịch trình với các chức năng bảo dưỡng lớn được thực hiện trong các kỳ nghỉ. Bên cạnh đó, Học Khu Evergreen còn sử dụng chương trình bảo dưỡng có kế hoạch nhằm đảm bảo sân trường và cơ sở vật chất luôn trong tình trạng được sửa chữa tốt nhất. Học khu cũng sử dụng quy trình yêu cầu công việc khi phát sinh vấn đề cần quan tâm ngay lập tức. Các hoạt động sửa chữa khẩn cấp được ưu tiên hàng đầu; các yêu cầu sửa chữa được hoàn tất một cách có hiệu quả và theo thứ tự nhận được các yêu cầu đó.

Ngân Sách Bảo Dưỡng Trả chậm:

Chương Trình Bảo Dưỡng Trường học Trả chậm của Bang (The State School Deferred Maintenance Program) giúp tạo nguồn quỹ từ tiểu bang trên cơ sở cân nhắc chi phí để giúp các học khu có khoản chi tiêu dành cho việc sửa chữa hoặc thay thế lớn các cơ sở vật

chất hiện có trong tòa nhà của nhà trường. Thông thường, hoạt động sửa chữa và thay thế này bao gồm mái nhà, hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi, điều hòa nhiệt độ, hệ thống điện, sơn nội thất hoặc ngoại thất và hệ thống sàn. Theo Đạo Luật Ngân Sách (the Budget Act) ký tháng 07 năm 2009, Cơ Quan Lập Pháp Tiểu Bang cho các học khu có quyền sử dụng linh hoạt các quỹ này để đáp ứng nhu cầu chung về ngân quỹ. Cùng với nỗ lực giảm bớt ảnh hưởng từ việc cắt giảm ngân sách của tiểu bang, Học Khu Evergreen đã tận dụng sự linh hoạt này. Học khu sẽ sử dụng nguồn quỹ từ trái phiếu và các nguồn thích hợp khác để đảm bảo các cơ sở luôn trong tình trạng tốt, sạch sẽ và an toàn.

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Sửa Chữa Tốt của Trường

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Sửa Chữa Tốt của Trường				
Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: Ngày 24 tháng 11 năm 2015				
Hệ Thống Được Kiểm Tra	Repair Status			Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
	Tốt	Được	Tồi	
Hệ Thống: Rò Rỉ Ga, Cơ Khí/HVAC, Cổng rãnh	X			
Bên Trong: Các Bề Mặt Bên Trong	X			
Sự Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Cửa Chuột Bọ/ Sâu Mọt	X			
Điện: Điện	X			
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/ Vòi Nước Máy	X			
Sự An Toàn: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

Đánh Giá Cơ Sở Vật Chất Tổng Quát

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 11/24/2015				
Đánh Giá Tổng Quát	Hoàn Hảo	Tốt	Được	Tồi
			X	

B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

- Thẩm định trên toàn tiểu bang (tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAS] cho văn chương Anh ngữ/đọc viết [ELA] và môn toán được tổ chức ở lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. CAA đã thay thế Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California [CAPA] cho ELA và môn toán, được loại bỏ vào năm 2015. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAA. Các mục của CAA phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng); và
- Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (ELA) và Môn Toán cho Tất Cả Các Học Sinh

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng hoặc Vượt Qua Các Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang					
	Trường		Khu Học Chánh		Tiểu Bang	
	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16
Văn Chương Anh Ngữ/ Đọc Viết (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)	38	34	61	63	44	48
Toán (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)	25	29	57	60	34	36

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2015–16)

Nhóm Học Sinh	Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng hoặc Vượt Qua			
		Tổng Ghi Danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
Tất Cả Các Học Sinh	3	81	79	97.5	32.9
	4	95	91	95.8	32.2
	5	95	95	100.0	37.9
	6	96	91	94.8	34.1
Nam	3	44	42	95.5	35.7
	4	41	41	100.0	40.0
	5	56	56	100.0	30.4
	6	44	42	95.5	35.7
Nữ	3	37	37	100.0	29.7
	4	54	50	92.6	26.0
	5	39	39	100.0	48.7
	6	52	49	94.2	32.6
Người Gốc Á Châu	3	32	32	100.0	53.1
	4	27	25	92.6	52.0
	5	25	25	100.0	52.0

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi Danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
	6	26	26	100.0	53.9
Người Phi Luật Tân	4	13	13	100.0	41.7
	5	19	19	100.0	63.2
	6	14	13	92.9	61.5
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	3	35	33	94.3	15.2
	4	43	43	100.0	11.6
	5	47	47	100.0	21.3
	6	44	42	95.5	21.4
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	3	55	54	98.2	24.1
	4	61	58	95.1	24.6
	5	59	59	100.0	22.0
	6	60	57	95.0	31.6
Người Học Tiếng Anh	3	40	39	97.5	30.8
	4	43	42	97.7	19.1
	5	35	35	100.0	14.3
	6	23	22	95.7	

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2015–16)

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
Tất Cả Các Học Sinh	3	81	78	96.3	39.7
	4	95	94	99.0	26.6
	5	95	95	100.0	24.2
	6	96	92	95.8	26.1
Nam	3	44	42	95.5	45.2
	4	41	40	97.6	32.5
	5	56	56	100.0	26.8
	6	44	43	97.7	32.6
Nữ	3	37	36	97.3	33.3
	4	54	54	100.0	22.2

Nhóm Học Sinh	Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi			
		Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
	5	39	39	100.0	20.5
	6	52	49	94.2	20.4
Người Gốc Á Châu	3	32	32	100.0	68.8
	4	27	27	100.0	44.4
	5	25	25	100.0	52.0
	6	26	26	100.0	57.7
Người Phi Luật Tân	4	13	12	92.3	41.7
	5	19	19	100.0	36.8
	6	14	13	92.9	38.5
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	3	35	32	91.4	18.8
	4	43	43	100.0	7.0
	5	47	47	100.0	4.3
	6	44	42	95.5	7.1
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	3	55	53	96.4	32.1
	4	61	60	98.4	20.0
	5	59	59	100.0	10.2
	6	60	58	96.7	25.9
Người Học Tiếng Anh	3	40	39	97.5	38.5
	4	43	43	100.0	20.9
	5	35	35	100.0	5.7
	6	23	22	95.7	

Ghi chú: Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (–) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi								
	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16
Khoa Học (các lớp 5, 8, và 10)	61	38	46	79	77	75	60	56	54

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm Kỳ Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Test - CST), Thăm Định Thay Đổi California (California Modified Assessment - CMA), và Thăm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California (CAPA) ở các lớp năm, tám, và mười.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học theo Nhóm Học Sinh Các Lớp Năm, Tám, và Mười (Năm Học 2015–16)

Nhóm Học Sinh	Tổng Ghi danh	Số Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Khá hoặc Giỏi
Tất Cả Các Học Sinh	95	95	100.0	46.3
Nam	56	56	100.0	48.2
Nữ	39	39	100.0	43.6
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi				
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa				
Người Gốc Á Châu	25	25	100.0	64.0
Người Phi Luật Tân	19	19	100.0	73.7
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	47	47	100.0	25.5
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương				
Người Da Trắng				
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc				
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	59	59	100.0	30.5
Người Học Tiếng Anh	35	35	100.0	28.6
Học Sinh Khuyết Tật				
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân				
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ				

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CST, CMA, và CAPA ở các lớp năm, tám, và mười. “Phần Trăm Khá hoặc Giỏi” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh có điểm số ở mức Khá hoặc Giỏi trong thẩm định khoa học chia cho tổng số học sinh có điểm số hợp lệ.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh..

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8):

- Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất

Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California (Năm Học 2015–16)

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
	5	22.1	27.4

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

C. Tham Gia

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3):

- Các nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho khu học chánh và mỗi địa điểm trường

Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh (Năm Học 2016–17)

Phụ huynh và cộng đồng có thể tham gia tích cực vào các chương trình giáo dục của nhà trường thông qua:

- Đêm Tự do Trường
- Ủy Ban Tư Vấn dành cho Người Học Tiếng Anh (ELAC)
- Ngày mở cửa trường học
- Hội Phụ Huynh-Giáo Viên (PTA)
- Hội Đồng Nhà Trường (SSC)
- Hội Thảo Nhỏ Tiêu Đề I & Đêm Hội Gia Đình Tiêu Đề I

Nhà trường nhận được sự hỗ trợ từ rất nhiều doanh nghiệp và tổ chức cộng đồng tại địa phương. Sự hỗ trợ và tài trợ từ PG&E, Target và Depot Office đã giúp ích rất nhiều trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy và môi trường chung của toàn trường.

Thông Tin Liên Lạc

Phụ huynh hoặc các thành viên cộng đồng có mong muốn tham gia vào các nhóm lãnh đạo, ủy ban, tham gia các hoạt động hoặc trở thành tình nguyện viên có thể liên lạc với nhà trường theo số (408) 270-6718.

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn

Đình Chỉ và Đuổi Học

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16
Đình Chỉ	0.0	0.0	0.0	0.8	0.4	0.5	4.4	3.8	3.7
Đuổi Học	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1	0.1	0.1

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Năm Học 2016–17)

Sự an toàn của học sinh và nhân viên là mối quan tâm chính của Trường Tiểu Học Montgomery. Học sinh được các giáo viên và quản trị viên giám sát trước, giữa và sau giờ học. Bữa trưa được giám sát bởi các trợ lý chịu trách nhiệm vào buổi trưa và các tình nguyện viên là phụ huynh học sinh. Toàn bộ khách đến thăm trường đều phải đăng ký ở văn phòng chính và đeo thẻ khách trong suốt thời gian ở tại khuôn viên trường. Ngoài ra còn có khu vực dành riêng cho phụ huynh đưa và đón con ở phía trước nhà trường. Chương Trình An Toàn Học Đường được xem xét hàng năm và cập nhật bởi Nhóm Ứng Phó Trường Hợp Khẩn Cấp (ERT). Bất kỳ và tất cả các sửa đổi trong chương trình đều được lập tức thông báo tới nhân viên theo mục đích cụ thể và được chứng nhận. Các yếu tố chính của Chương Trình An Toàn tập trung vào các vấn đề dưới đây:

- Quy tắc & thủ tục của nhà trường
- Chính sách về quấy rối tình dục
- Thông báo cho giáo viên
- Thủ tục về báo cáo lạm dụng trẻ em
- Quy tắc trang phục toàn trường
- Các chính sách liên quan đến đình chỉ/đuổi học
- Thủ tục ứng phó thảm họa/các buổi diễn tập định kỳ & diễn tập trường hợp khẩn cấp
- Quy định về Ra & vào an toàn cho học sinh, phụ huynh & nhân viên nhà trường

Nhà trường tuân thủ các luật lệ, quy tắc và quy định liên quan đến các tiêu chuẩn về nguyên vật liệu nguy hiểm và động đất tại tiểu bang. Chương trình sẵn sàng ứng phó thảm họa của nhà trường bao gồm các bước nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh và nhân viên trong thảm họa. Diễn tập ứng phó với hỏa hoạn, thảm họa và đóng cửa nhà trường được thực hiện trên cơ sở luân phiên trong suốt năm học.

Các học sinh từ lớp 4 đến lớp 6 tham gia vào chương trình Dự Án Cornerstone trong đó các em phát triển các kỹ năng lãnh đạo và giúp tạo ra một môi trường học đường tích cực và an toàn cho tất cả mọi người.

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Năm Học 2016–17)

Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình	In PI	In PI
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình	2011-2012	2010-2011
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	Year 3	Year 3
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	5
Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	71.4

Ghi chú: Các ô có giá trị NA không yêu cầu dữ liệu.

Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Tiểu Học)

Lớp Cấp	2013-14				2014-15				2015-16			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*		
		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+
K	20	1	3		24		3		24		3	
1	23		3		22		2		22		2	
2	24		4		22		4		22		4	
3	25		4		21	1	3		21	1	3	
4	30		3		30		3		30		3	
5	30		3		31		3		31		3	
6	29		4		27		4		27		4	
Other	13	1			11	1			11	1		

* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp).

Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác (Năm Học 2015–16)

Chức Danh	Số FTE* Được Phân cho Trường	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn Học Tập		
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)		N/A
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (thủ thư)	.05	N/A
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (bán chuyên)	.688	N/A
Nhà Tâm Lý Học	.41	N/A
Nhân Viên Xã Hội		N/A

Chức Danh	Số FTE* Được Phân cho Trường	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cổ Vấn Học Tập
Y Tá	.16	N/A
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	.77	N/A
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)		N/A
Các Chức Danh Khác	as needed	N/A

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

* Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian;

Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường (Năm Tài Khóa 2014–15)

Cấp	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh			Lương Trung Bình của Giáo Viên
	Tổng	Phụ Trội/ Giới Hạn	Cơ Bản/ Không Giới Hạn	
Địa Điểm Trường	5736	1779	3958	84,867
Khu Học Chánh	N/A	N/A	\$1337	\$86,588
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Khu Học Chánh	N/A	N/A	196.0	-2.0
Tiểu bang	N/A	N/A	\$5,677	\$75,137
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Tiểu Bang	N/A	N/A	-30.3	12.9

Note: Cells with N/A values do not require data.

Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ (Năm Tài Khóa 2015–16)

Ngoài ngân sách chung của tiểu bang, tất cả các trường trong Học Khu Evergreen còn nhận được ngân sách có mục đích cụ thể của tiểu bang và liên bang dành cho các chương trình hỗ trợ dưới đây:

- Hỗ Trợ Tác Động Kinh Tế
- Chương Trình Cải Thiện Nhà Trường & Thư Viện
- Tiêu Đề I, Trợ Giúp Mục Tiêu (đối với các trường sau: Cadwallader, Dove Hill, Holly Oak, Katherine Smith, Montgomery và O.B. Whaley)
- Tiêu Đề II, Phát Triển Nhân Viên
- Tiêu Đề III, Trình Độ Thông Thạo Tiếng Anh Hạn Chế

Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính (Năm Tài Khóa 2014–15)

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Khu Học Chánh Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$52,537	\$44,573
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$85,013	\$72,868
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$98,623	\$92,972
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$128,888	\$116,229
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$134,504	\$119,596
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)		\$121,883
Mức Lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	\$185,850	\$201,784
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	47%	39%

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Khu Học Chánh Trong Cùng Hạng Mục
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chánh	5%	5%

Để có thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Web về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Phát Triển Chuyên Môn

Các giáo viên xây dựng kỹ năng và các khái niệm giảng dạy nhờ tham gia các hội thảo và các buổi trao đổi chuyên đề trong suốt năm. Hợp tác theo cấp lớp là chiến lược và công việc có ảnh hưởng lớn nhất đến công tác giảng dạy và hỗ trợ việc đào tạo của giáo viên. Trong vòng ba năm qua, học khu đã tài trợ ba ngày phát triển nâng cao trình độ cho giáo viên hàng năm, giáo viên được cung cấp một loạt các cơ hội đa dạng để phát triển chuyên môn về giáo trình, chiến lược và phương pháp dạy học. Học Khu Evergreen tổ chức nhiều cơ hội phát triển chuyên môn cho giáo viên của Montgomery như tổ chức Cộng Đồng Học Tập Chuyên môn (Professional Learning Communities), và Dạy và Học Theo Văn Hóa và Ngôn Ngữ (Culturally and Linguistically Responsive Teaching and Learning). Các nhân viên của Montgomery tham gia đào tạo và dạy lại cho các giáo viên khác về Chiến Lược Tư Duy Trực Quan (Visual Thinking Strategies - VTS) trong hai năm qua. Step Up to Writing rất phổ biến ở các lớp học nhờ công tác đào tạo và sự tập trung mà các giáo viên đã dành cho chương trình. Các nhà quản lý và lãnh đạo của trường hợp tác chặt chẽ với nhau để quyết định chọn ra các cơ hội phát triển chuyên môn cho giáo viên mỗi năm.